

Số: 189/2018/QĐST-HNGĐ

C, ngày 10 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 286/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1979.

Nơi đăng ký HKTT: ấp số e, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp GL, xã GL, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1974.

Cư trú tại: ấp số e, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Đơn yêu cầu của hai bên đương sự đề ngày 02 tháng 5 năm 2018 đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án trước thời hạn theo quy định pháp luật với lý do bà D hiện đi làm thuê ở xa, việc đi lại ra Tòa có ảnh hưởng đến công việc và hai bên đã thỏa thuận được với nhau về tất cả vấn đề có tranh chấp.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị D với ông Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn S tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn S có hai người con chung là Nguyễn Vũ Tr, sinh ngày 05/02/1997 và Nguyễn Vũ Th, sinh ngày 13/12/2000.

Khi ly hôn, đối với Nguyễn Vũ Tr đã thành niên, nên ông bà không yêu cầu giải quyết; Đối với Nguyễn Vũ Th, bà D và ông S tự nguyện thỏa thuận giao cháu Th cho ông S nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn S chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn S thống nhất xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, nên chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn S thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Lê Thị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/0014569 ngày 20 tháng 4 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà D 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Văn S không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo